

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vi Văn Hải**

2. Bà **Ma Thị Ngọc Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Xuân** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ: Không tham gia

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 của tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 9, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt*).

Chỗ ở hiện nay: Khu 1, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: **Anh Trần Quốc V**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu 9, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2017; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc V đăng ký kết hôn ngày 12/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại khu 9, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V thường xuyên rượu chè, chửi mắng, đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Tháng 8/2012 chị đã đưa con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ không ai quan tâm gì đến ai nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc A sinh ngày 15/10/2009 và cháu Trần Thùy D sinh ngày 09/02/2012. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2018 anh Trần Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Hằng về thời gian kết hôn là đúng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng luôn hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2011 thì gia đình chị H muốn anh sang ở rể, nhưng anh không đồng ý, sau đó anh đi làm ăn ở Hà Nội thì chị H ở nhà tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, không thông báo gì cho anh biết. Sau khi anh về đã đón chị H cùng con về, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau bình thường và sinh con thứ hai đồng thời xây nhà ở riêng. Sau đó, do điều kiện kinh tế khó khăn nên thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau nhưng không lớn, đỉnh điểm mâu thuẫn nhất là vào khoảng tháng 8/2012 thì vợ chồng cãi nhau nên chị H đã đưa con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cả hai con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh cũng không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án trực tiếp đến nhà anh V để giao thông báo và giấy triệu tập cho anh

V, anh V không có mặt ở nhà nên đã làm việc với bố đẻ anh V là ông Trần Văn T, ông T không phối hợp và cũng không nhận các văn bản của tòa án nên tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại trụ sở UBND nơi anh V cư trú, tuy nhiên chị H đều có mặt còn anh V đều vắng mặt không có lý do mặc dù anh V đã có bản tự khai tại tòa án và đã có quan điểm của mình về các mối quan hệ trong hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, nhưng cố tình không đến tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Quốc V đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, chị H đều có mặt, còn anh V đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 22/02/2018 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09/3/2018, do anh V không có mặt ở nhà nên không tổng đạt trực tiếp quyết định xét xử được, bố đẻ anh V là ông Trần Văn T cũng không hợp tác, không nhận quyết định xét xử của tòa án, nên tòa án tiến hành niêm yết quyết định xét xử theo quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử chị H có mặt, anh V vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 30/3/2018 chị H có mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Quốc V kết hôn ngày 12/01/2009 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, cuộc hôn nhân này được xác định là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Sau kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H bỏ về ở với gia đình nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2012 cho đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh V. Xét lời trình bày của chị H tại điểm [2] là có căn cứ chấp nhận vì trong quá trình giải quyết vụ án anh V đã có mặt tại tòa án và tự trình bày quan điểm của mình vào bản tự khai là cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn theo

quan điểm của chị H, hơn nữa sau bản tự khai của mình xong anh V không đến tòa án lần nào nữa để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]Về con chung: Chị H và anh V đều xác định có 02 con chung cháu Trần Thị Ngọc A sinh ngày 15/10/2009 và cháu Trần Thùy D sinh ngày 09/02/2012. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết chị H xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án quan điểm của anh V cũng nhất trí để cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con. Xét thấy việc thỏa thuận của hai bên là phù hợp với nguyện vọng của cháu A, phù hợp với điều kiện thực tế của cả hai cháu đang ở với chị H, để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu sau này, nên cần giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

[4]Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp:

Chị H và anh V đều không đề nghị tòa án giải quyết gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5]Về án phí:

Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147- BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Trần Quốc V.

2. Về con chung:

2.1. Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cháu Trần Thị Ngọc A sinh ngày 15/10/2009 và cháu Trần Thùy D sinh ngày 09/02/2012 kể từ tháng 3/2018 cho đến khi các cháu (Cháu A và cháu D) thành niên.

2.2. Anh Trần Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con với chị H do chị H không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giao dục và nuôi nấng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật, không bên nào được ngăn cấm.

3. Về tài sản chung; Công nợ chung; Tài sản cho vay và công sức đóng góp:

HĐXX Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P theo biên lai số 03369 ngày 12/12/2017 (Xác nhận chị H đã nộp đủ).

“Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, anh V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Văn Lung;
- Lưu HS, VP, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Hưng Thủy